

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thực hiện chế độ
trợ cấp mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến theo Quyết định
số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16/12/2015 của các Bộ trưởng: Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 26/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

Căn cứ mức lương cơ sở quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016; Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017; Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 về việc quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 227/TTr-SLĐTBXH ngày 03 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thực hiện chế độ trợ cấp mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo quy định tại Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

1. Số đối tượng dân công hỏa tuyến đã từ trần: 226 người;

2. Kinh phí thực hiện: 3.938.000.000 đồng (*Ba tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn*)

(*Chi tiết tại phụ lục và danh sách kèm theo*)

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn chi đảm bảo xã hội được phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố tại Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra giám sát Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp mai táng phí đối với thân nhân dân công hỏa tuyến kịp thời, đúng định mức theo quy định tại Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm giám sát, hướng dẫn công tác thanh quyết toán nguồn kinh phí của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có liên quan đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý và chi trả chế độ trợ cấp mai táng phí cho thân nhân dân công hỏa tuyến, thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

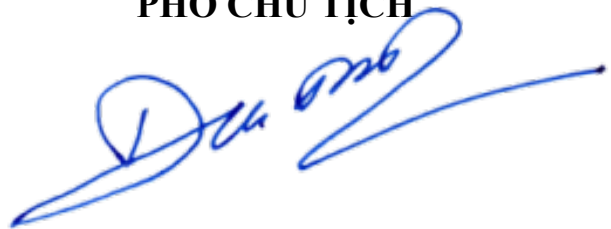
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng;
- Lưu: VT, VXC_{NCC112}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

**Phụ lục 1: Tổng hợp đối tượng và kinh phí thực hiện chế độ
trợ cấp mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến theo
Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)**

TT	Đơn vị	Người	Tổng kinh phí (đồng)	Ghi Chú
1	2	3	4	5
1	Thành phố Thanh Hóa	08	140.900.000	01 ĐT X 14.900.000 = 14.900.000
				07 ĐT X18.000.000 = 126.000.000
2	Huyện Vĩnh Lộc	12	209.800.000	02 ĐT X 14.900.000 = 29.800.000
				10 ĐT X 18.000.000 = 180.000.000
3	Thành Phố Sầm Sơn	15	266.900.000	01 ĐT X 14.900.000 = 14.900.000
				14 ĐT X 18.000.000 = 252.000.000
4	Huyện Đông Sơn	06	108.000.000	
5	Thị xã Nghi Sơn	08	131.600.000	04 ĐT X 14.900.000 = 59.600.000
				04 ĐT X 18.000.000 = 72.000.000
6	Huyện Thiệu Hóa	18	308.500.000	05 ĐT X 14.900.000 = 74.500.000
				13 ĐT X 18.000.000 = 234.000.000
7	Huyện Quảng Xương	21	368.700.000	03 ĐT X 14.900.000 = 44.700.000
				18 ĐT X 18.000.000 = 324.000.000
8	Huyện Hậu Lộc	26	449.400.000	06 ĐT X 14.900.000 = 89.400.000
				20 ĐT X 18.000.000 = 360.000.000
9	Huyện Hà Trung	08	144.000.000	
10	Huyện Thọ Xuân	18	319.000.000	01 ĐT X 13.000.000 = 13.000.000
				17 ĐT X 18.000.000 = 306.000.000
11	Huyện Triệu Sơn	08	140.900.000	01 ĐT X 14.900.000 = 14.900.000
				07 ĐT X 18.000.000 = 126.000.000
12	Huyện Quan Hóa	03	50.900.000	01 ĐT X 14.900.000 = 14.900.000
				02 ĐT X 18.000.000 = 36.000.000
13	Huyện Nông Cống	16	269.400.000	06 ĐT X 14.900.000 = 89.400.000
				10 ĐT X 18.000.000 = 180.000.000
14	Huyện Như Thanh	07	116.700.000	03 ĐT X 14.900.000 = 44.700.000
				04 ĐT X 18.000.000 = 72.000.000
15	Huyện Quan Sơn	03	54.000.000	
16	Huyện Lang Chánh	01	14.900.000	
17	Huyện Hoằng Hóa	48	844.400.000	05 ĐT X 14.900.000 = 74.500.000
				42 ĐT X18.000.000 = 756.000.000
				01 ĐT X 13.900.000 = 13.900.000
Cộng		Cộng	226	3.938.000.000

**Phụ lục 2: Danh sách dân công hỏa tuyến đã từ trần và thân nhân của dân công hỏa tuyến
được trợ cấp mai táng phí theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)**

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
I	Thành phố Thanh Hóa								
1	Phạm Thị Nhắc	1931	P. Đông Vệ	P. Đông Vệ	1268	11/8/2023	Vũ Đức Minh	Con	18.000.000
2	Nguyễn Thị A	1933	P. Đông Vệ	P. Đông Vệ	2184	08/7/2023	Trần Văn Lịch	Chồng	18.000.000
3	Vũ Thị Dục	1930	X. Hoằng Quang	X. Hoằng Quang	3042-3043	14/8/2023	Lê Đình Hùng	Cháu	18.000.000
4	Nguyễn Thị Tâm	1937	P. Đông Lĩnh	P. Đông Lĩnh	2527-2529	22/8/2023	Lê Bá Trường	Con	18.000.000
5	Trương Khắc Thanh	1931	P. Đông Lĩnh	P. Đông Lĩnh	2702-2704	08/5/2023	Trương Thị Nhân	Con	14.900.000
6	Nguyễn Thị Thi	1928	X. Hoằng Đại	X. Hoằng Đại	1221-1223	15/8/2023	Lê Đình Dương	Con	18.000.000
7	Lê Thị Cải	1934	P. Đông Hải	P. Đông Hải	3029	08/7/2023	Nguyễn Doãn Chính	Con	18.000.000
8	Lê Thị Bờn	1927	P. Đông Hải	P. Đông Hải	2702-2704	11/7/2023	Nguyễn Thị Lan	Con	18.000.000
Cộng : 08 ĐT									140.900.000
II	Huyện Vĩnh Lộc								
1	Đặng Thị Kỵ	1919	Xã Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Tiến	39-41	27/4/2022	Trần Thị Hường	Con	14.900.000
2	Trương Bá Lê	1928	Xã Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Tiến	1268	18/5/2023	Phạm Thị Khai	Vợ	14.900.000
3	Đinh Thị Mơn	1929	Xã Vĩnh Long	Xã Vĩnh Long	39-41	16/9/2023	Trần Trung Thực	Con	18.000.000
4	Nguyễn Thị Sao	1932	Xã Vĩnh Long	Xã Vĩnh Long	538	19/9/2023	Vũ Hữu Sự	Con	18.000.000
5	Phạm Thị Lầy	1932	Xã Vĩnh Quang	Xã Vĩnh Quang	2184	07/9/2023	Phạm Xuân Thường	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
6	Phạm Thị Cửi	1933	Xã Vĩnh Khang	Xã Ninh Khang	1538	26/9/2023	Mai Đăng Phương	Con	18.000.000
7	Nguyễn Thị Cậy	1930	Xã Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Tiến	214	02/9/2023	Triệu Thị Tính	Con	18.000.000
8	Dương Văn Luận	1926	Xã Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Tiến	39-41	05/9/2023	Bùi Thị Quyên	Con	18.000.000
9	Trịnh Thị Hồng	1934	Xã Vĩnh Hưng	Xã Vĩnh Hưng	3029	05/09/2023	Hoàng Thị Thu	Con	18.000.000
10	Bùi Thị Thê	1929	Xã Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Tiến	39-41	22/9/2023	Phạm Ngọc Long	Con	18.000.000
11	Hà Thị Chung	1937	Xã Vĩnh Thành	TT Vĩnh Lộc	529	20/8/2023	Trần Thị Ngân	Con	18.000.000
12	Trần Văn An	1939	Xã Vĩnh Thịnh	Xã Vĩnh Thịnh	25	31/8/2023	Trần Thị Cẩm	Vợ	18.000.000
	Cộng: 12 DT								209.800.000
III	Thành phố Sầm Sơn								
1	Trương Thị Khang	1950	P. Trường Sơn	P. Trường Sơn	469-470	19/10/2023	Nguyễn Văn Bằng	Chồng	18.000.000
2	Trương Thị Dẻo	1938	P. Trường Sơn	P. Trường Sơn	25	02/9/2023	Nguyễn Văn Cường	Cháu	18.000.000
3	Cao Thị Phúc	1936	P. Trung Sơn	P. Trung Sơn	2702-2704	31/8/2023	Lê Cao Tân	Con	18.000.000
4	Lê Thị Cúc	1937	P. Trung Sơn	P. Trung Sơn	3042-3043	04/9/2023	Nguyễn Sỹ Thiệu	Con	18.000.000
5	Vũ Bá Khίου	1950	P. Quảng Tiến	P. Quảng Tiến	1665	25/7/2023	Nguyễn Thị Tư	Vợ	18.000.000
6	Ngô Minh Gương	1944	P. Quảng Cư	P. Quảng Cư	1952	11/9/2023	Lê Văn Hỷ	Con	18.000.000
7	Lường Thị Trinh	1931	P. Quảng Cư	P. Quảng Cư	469-470	30/9/2023	Vũ Minh Đức	Con	18.000.000
8	Lê Thị Thang	1933	P. Quảng Châu	P. Quảng Châu	711-924	18/9/2023	Nguyễn Minh Sơn	Cháu	18.000.000
9	Lê Thị Kéch	1936	P. Quảng Thọ	P. Quảng Thọ	3042-3043	27/7/2023	Lê Thị Hòe	Con	18.000.000
10	Trần Thanh Danh	1949	P. Quảng Thọ	P. Quảng Thọ	2702-2704	15/8/2023	Lê Thị Loan	Vợ	18.000.000
11	Lê Văn Ngoan	1942	P. Quảng Thọ	P. Quảng Thọ	214	04/10/2023	Lê Văn Thúc	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
12	Nguyễn Thị Hòa	1949	Xã Quảng Đại	Xã Quảng Đại	1048	23/8/2023	Phạm Văn Vinh	Con	18.000.000
13	Trình Thị Chanh	1928	Xã Quảng Hùng	Xã Quảng Hùng	2527-2529	26/8/2023	Lưu Văn Thấp	Con	18.000.000
14	Nguyễn Thị May	1938	Xã Quảng Minh	Xã Quảng Minh	2527-2529	05/4/2023	Nguyễn Quang Dung	Con	14.900.000
15	Lê Thị Dậy	1930	Xã Quảng Minh	Xã Quảng Minh	3042-3043	26/9/2023	Vũ Văn Hà	Con	18.000.000
	Cộng: 15 ĐT								266.900.000
IV	Huyện Đông Sơn								
1	Cao Thị Xay	1948	Xã Đông Thanh	Xã Đông Thanh	1493-1994	17/9/2023	Nguyễn Văn Dũng	Con	18.000.000
2	Lê Thị Trò	1929	Xã Đông Hoàng	Xã Đông Hoàng	2184	18/8/2023	Nguyễn Quý Bàn	Con	18.000.000
3	Nguyễn Quý Tồ	1928	Xã Đông Hoàng	Xã Đông Hoàng	1604-1605	03/9/2023	Nguyễn Quý Bàn	Con	18.000.000
4	Lê Sỹ Bích	1933	Xã Đông Ninh	Xã Đông Ninh	1604-1605	08/9/2023	Lê Sỹ Cừ	Con	18.000.000
5	Lê Thị Tơ	1930	Xã Đông Ninh	Xã Đông Ninh	1052-1053	01/9/2023	Nguyễn Huy Đoàn	Con	18.000.000
6	Đỗ Như Tơ	1932	Xã Thiệu Châu, huyện Thiệu Hóa	Xã Đông Văn	249	22/8/2023	Đỗ Xuân Mạnh	Con	18.000.000
	Cộng: 06 ĐT								108.000.000
V	Thị xã Nghi Sơn								
1	Lê Thị Lữ	1935	Xã Triều Dương	P. Hải Ninh	1665	28/03/2023	Dương Văn Đức	Con	14.900.000
2	Lê Thị Bằng	1942	P. Hải Ninh	P. Hải Ninh	1052-1053	17/8/2023	Lê Trung Lượng	Chồng	18.000.000
3	Lê Thị Sến	1950	P. Mai Lâm	P. Mai Lâm	1604-1605	20/8/2023	Trần Thúy Vân	Con	18.000.000
4	Bùi Thị Thê	1924	P. Bình Minh	P. Bình Minh	39-41	11/8/2023	Nguyễn Đăng Thành	Con	18.000.000
5	Nguyễn Thị Bửu	1933	P. Hải Bình	P. Tĩnh Hải	3029	25/12/2022	Lê Văn Ngần	Con	14.900.000
6	Hoàng Thị Phương	1935	P. Hải Bình	P. Hải Bình	2527-2529	25/8/2023	Nguyễn Thị Lệ	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
7	Nguyễn Thị Hảy	1931	Xã Nghi Sơn	Xã Nghi Sơn	1665	19/6/2023	Nguyễn Thị Hải	Chồng	14.900.000
8	Nguyễn Thị Ngọ	1928	Xã Anh Sơn	Xã Anh Sơn	1665	16/03/2022	Nguyễn Thị Thử	Con	14.900.000
	Cộng: 08 ĐT								131.600.000
VI	Huyện Thiệu Hóa								
1	Nguyễn Thị Nhuận	1935	Xã Thiệu Chính	Xã Thiệu Chính	214	05/8/2023	Lữ Xuân Hòa	Con	18.000.000
2	Hà Thị Bình	1931	Xã Thiệu Tâm	Xã Minh Tâm	1493-1494	26/8/2023	Đỗ Quốc Doanh	Con	18.000.000
3	Lê Thị Nhẫn	1930	Xã Thiệu Duy	Xã Thiệu Duy	1774-1775	29/7/2023	Trần Thị Chung	Con	18.000.000
4	Lê Thị Mộng	1924	Xã Thiệu Duy	Xã Thiệu Duy	1774-1775	15/4/2023	Lê Hưng Tiến	Con	14.900.000
5	Lê Thị Kiện	1927	Xã Thiệu Duy	Xã Thiệu Duy	1665	17/7/2023	Lê Thanh Bình	Con	18.000.000
6	Vũ Lạnh Ao	1929	Xã Thiệu Phúc	Xã Thiệu Phúc	39-41	16/8/2023	Trần Thị Nhạn	Vợ	18.000.000
7	Trần Thị Khuyên	1923	Xã Thiệu Phúc	Xã Thiệu Phúc	1665	14/8/2023	Vũ Xuân Du	Con	18.000.000
8	Vũ Văn Són	1924	Xã Thiệu Toán	Xã Thiệu Toán	25	11/8/2023	Khương Thị Thu Hằng	Con	18.000.000
9	Dương Thị Lam	1921	Xã Thiệu Thịnh	Xã Thiệu Thịnh	2184	11/8/2023	Nguyễn Quốc Ban	Con	18.000.000
10	Lê Công Sửu	1947	Thị Trấn Thiệu Hóa	Thị Trấn Thiệu Hóa	25	20/6/2023	Nguyễn Thị Xuyên	Vợ	14.900.000
11	Nguyễn Hữu Thắng	1952	Xã Thiệu Đô	Thị Trấn Thiệu Hóa	1665	12/8/2023	Lê Thị Thừa	Vợ	18.000.000
12	Lê Thị Khóa	1932	Xã Thiệu Trung	Xã Thiệu Trung	39-41	06/9/2023	Lê Thị Duy	Con	18.000.000
13	Vũ Đình Minh	1953	Xã Thiệu Trung	Xã Thiệu Trung	25	25/8/2023	Đặng Thị Cúc	Vợ	18.000.000
14	Lê Thị Lánh	1934	Xã Thiệu Trung	Xã Thiệu Trung	711-924	11/6/2023	Phạm Quốc Tuấn	Con	14.900.000
15	Lê Thị Dung	1932	Xã Thiệu Giao	Xã Thiệu Giao	1221-1223	09/9/2023	Lê Viết Tân	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
16	Lê Như Đào	1953	Xã Thiệu Giao	Xã Thiệu Giao	1281	27/7/2023	Lê Thị Mừng	Vợ	18.000.000
17	Tổng Thị Tống	1928	Xã Thiệu Hòa	Xã Thiệu Hòa	214	27/11/2021	Tổng Văn Dũng	Con	14.900.000
18	Phạm Thị Hương	1929	Xã Thiệu Duy	Xã Thiệu Duy	1493-1494	14/7/2023	Phạm Thanh Hương	Em	14.900.000
	Cộng: 18 DT								308.500.000
VII	Huyện Quảng Xương								
1	Hồ Công Trác	1931	Xã Quảng Văn	Xã Quảng Văn	711-924	01/10/2023	Hồ Công Cát	Con	18.000.000
2	Lê Thị Nhi	1930	Xã Quảng Hoà	Xã Quảng Hoà	1268	01/7/2023	Lê Thị Oanh	Con	18.000.000
3	Trần Thị Canh	1928	Xã Quảng Thái	Xã Quảng Thái	2702-2704	23/8/2023	Đào Thị Biên	Con	18.000.000
4	Bùi Thị Soát	1923	Xã Quảng Trạch	Xã Quảng Trạch	2527-2529	09/9/2023	Hoàng Thị Đạt	Con	18.000.000
5	Nguyễn Thị Biện	1933	Xã Quảng Lộc	Xã Quảng Lộc	3029	12/9/2023	Phạm Duy Vẹn	Chồng	18.000.000
6	Trần Thị Thái	1930	Xã Quảng Lộc	Xã Quảng Lộc	1952	29/6/2023	Lê Duy Cẩn	Con	14.900.000
7	Nguyễn Thị Tọa	1940	Xã Quảng Tân	TT Tân Phong	711-924	07/11/2022	Bùi Sỹ Khắc	Con	14.900.000
8	Mai Thị Vỡ	1926	Xã Quảng Phong	TT Tân Phong	1604-1605	15/9/2023	Nguyễn Văn Hùng	Con	18.000.000
9	Dư Thị Thử	1947	Xã Quảng Hải	Xã Quảng Hải	3042-3043	12/22/2021	Nguyễn Xuân Tiến	Con	14.900.000
10	Mai Thị Thơm	1931	Xã Quảng Lưu	Xã Quảng Hải	1604-1605	20/7/2023	Lê Văn Mạch	Con	18.000.000
11	Đới Thị Thang	1932	Xã Quảng Hải	Xã Quảng Hải	2527-2529	20/9/2023	Bùi Ngọc Thuỷ	Con	18.000.000
12	Lại Duy Thế	1929	Xã Quảng Hợp	Xã Quảng Hợp	2019	01/9/2023	Lại Duy Ninh	Con	18.000.000
13	Nguyễn Thị Giá	1933	Xã Quảng Trường	Xã Quảng Trường	2702-2704	27/8/2023	Nguyễn Thị Lương	Con	18.000.000
14	Nguyễn Thị Đầu	1930	Xã Quảng Trường	Xã Quảng Trường	1604-1605	09/8/2023	Nguyễn Văn An	Con	18.000.000
15	Nguyễn Thị Vây	1928	Xã Quảng Trường	Xã Quảng Trường	39-41	27/8/2023	Đỗ Xuân Cảnh	Chồng	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
16	Lê Đình Hỷ	1936	Xã Quảng Lưu	Xã Quảng Lưu	2527-2529	18/8/2023	Lê Đình Ninh	Con	18.000.000
17	Võ Thị Khả	1945	Xã Quảng Lưu	Xã Quảng Lưu	2019	15/8/2023	Phạm Sỹ Bàn	Con	18.000.000
18	Nguyễn Thị Quy	1924	Xã Quảng Lĩnh	Xã Tiên Trang	39-41	17/9/2023	Hà Ngọc Phương	Con	18.000.000
19	Nguyễn Thị Dung	1938	Xã Quảng Lợi	Xã Tiên Trang	1604-1605	27/8/2023	Chu Văn Lại	Chồng	18.000.000
20	Phạm Văn Quang	1945	Xã Quảng Nham	Xã Quảng Nham	692	07/8/2023	Phạm Văn Hoài	Con	18.000.000
21	Vũ Thị Sửu	1936	Xã Quảng Nham	Xã Quảng Nham	692	10/8/2023	Đỗ Hoàng Ngọc	Con	18.000.000
	Cộng : 21 DT								368.700.000
VIII	Huyện Hậu Lộc								
1	Phạm Thị Lâm	1949	Xã Hoa Lộc	Xã Hoa Lộc	1048	28/06/2023	Phạm Văn Khoan	Chồng	14.900.000
2	Phạm Đức Liên	1920	Xã Hoa Lộc	Xã Hoa Lộc	2702-2704	02/06/2023	Phạm Văn Nam	Con	14.900.000
3	Hoàng Thị Hời	1930	Xã Hoa Lộc	Xã Hoa Lộc	1604-1605	31/07/2023	Hoàng Văn Chung	Con	18.000.000
4	Hoàng Thị Ứn	1926	Xã Mỹ Lộc	Xã Mỹ Lộc	2702-2704	18/09/2023	Lê Việt Phương	Cháu	18.000.000
5	Trương Thị Quyến	1934	Xã Mỹ Lộc	Xã Mỹ Lộc	185-186	12/03/2023	Lê Hữu Hoàng	Con	14.900.000
6	Chung Thị Lượ	1927	Xã Lộc Sơn	Xã Lộc Sơn	2702-2704	15/09/2023	Trương Thị Thủy	Con	18.000.000
7	Trương Văn Khoái	1943	Xã Lộc Sơn	Xã Lộc Sơn	469-470	29/09/2023	Chung Thị Tăng	Vợ	18.000.000
8	Đỗ Thị Hiên	1934	Xã Thuần Lộc	Xã Thuần Lộc	2527-2529	10/07/2023	Ngô Thị Huệ	Con	18.000.000
9	Nguyễn Thị Toe	1922	Xã Hải Lộc	Xã Hải Lộc	1952	30/07/2023	Bùi Văn Ngàn	Con	18.000.000
10	Nguyễn Thị Xuân	1936	Xã Đại Lộc	Xã Đại Lộc	1604-1605	23/06/2023	Trịnh Văn Nhân	Cháu	14.900.000
11	Ngô Thị Điển	1954	Xã Đại Lộc	Xã Đại Lộc	1604-1605	28/07/2023	Đinh Văn Sâm	Con	18.000.000
12	Nguyễn Thị Mạnh	1952	Xã Thuần Lộc	Xã Thuần Lộc	1052-1053	07/10/2023	Trương Cảnh Môn	Chồng	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
13	Hoàng Thị Đảm	1936	Xã Thuần Lộc	Xã Thuần Lộc	214	21/09/2023	Trần Nhật Thịnh	Con	18.000.000
14	Đặng Văn Ka	1936	Xã Ngr Lộc	Xã Hưng Lộc	2702-2704	21/07/2023	Nguyễn Thị Khính	Vợ	18.000.000
15	Vũ Thị Chiến	1934	Xã Hưng Lộc	Xã Hưng Lộc	1048	10/09/2023	Nguyễn Đình Đề	Con	18.000.000
16	Đặng Thị Ký	1933	Xã Triệu Lộc	Xã Triệu Lộc	1604-1605	01/09/2023	Lê Huy Tuấn	Con	18.000.000
17	Nguyễn Thị Doãn	1932	Xã Triệu Lộc	Xã Triệu Lộc	2702-2704	13/08/2023	Nguyễn Cường Phúc	Con	18.000.000
18	Lê Thị Kiều	1932	Xã Triệu Lộc	Xã Triệu Lộc	469-470	14/09/2023	Lê Đồng Phú	Con	18.000.000
19	Nguyễn Thị Thùy	1926	Xã Triệu Lộc	Xã Triệu Lộc	538	21/05/2023	Mai Bá Sâm	Con	14.900.000
20	Phạm Văn Đoái	1925	Xã Hòa Lộc	Xã Hòa Lộc	1221-1223	25/09/2023	Phạm Văn Thương	Con	18.000.000
21	Nguyễn Văn Chức	1941	Xã Ngr Lộc	Xã Ngr Lộc	2702-2704	21/09/2023	Nguyễn Thị Thơ	Vợ	18.000.000
22	Phạm Thị Nghiệu	1934	Xã Minh Lộc	Xã Minh Lộc	185-186	08/07/2023	Luyện Thị Hưng	Con	18.000.000
23	Phạm Văn Tri	1935	Xã Minh Lộc	Xã Minh Lộc	2527-2529	12/09/2023	Đoàn Thị Bảo	Vợ	18.000.000
24	Lê Văn Bản	1921	Xã Phong Lộc	Xã Phong Lộc	185-186	30/05/2023	Nguyễn Đình Thắng	Con	14.900.000
25	Lê Thị Mụ	1927	Xã Phong Lộc	Xã Phong Lộc	2527-2529	11/09/2023	Nguyễn Quang Vinh	Con	18.000.000
26	Nguyễn Trọng Tồn	1920	Xã Cầu lộc	Xã Cầu Lộc	2527-2529	27/09/2023	Nguyễn Trọng Tề	Con	18.000.000
	Cộng: 26 ĐT								449.400.000
IX	Huyện Hà Trung								
1	Trần Thị Kháng	1923	Xã Yên Dương	Xã Yên Dương	2702-2704	17/7/2023	Phùng Chí Dung	Con	18.000.000
2	Thiều Thị Đóa	1950	Thị Trấn Hà Trung	Thị Trấn Hà Trung	538	22/7/2023	Hoàng Thị Doan	Con	18.000.000
3	Bùi Văn Sáu	1923	Xã Hà Bình	Xã Hà Bình	249	12/8/2023	Bùi Văn Huyền	Con	18.000.000
4	Lại Thế Cống	1930	Xã Yên Dương	Xã Yên Dương	2702-2704	20/9/2023	Vũ Thị Hóm	Vợ	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
5	Chu Thị Lưu	1932	Xã Yên Dương	Xã Yên Dương	1052-1053	08/8/2023	Nguyễn Thị Nhị	Con	18.000.000
6	Đinh Xuân Niên	1923	Xã Yên Dương	Xã Yên Dương	1665	01/10/2023	Nguyễn Thị Nải	Vợ	18.000.000
7	Vũ Thị Dự	1930	Xã Hà Hải	Xã Hà Hải	214	18/8/2023	Hà Thế Đản	Chồng	18.000.000
8	Trần Thị Kháng	1923	Xã Yên Dương	Xã Yên Dương	2702-2704	17/7/2023	Phùng Chí Dung	Con	18.000.000
	Cộng : 08 ĐT								144.000.000
X	Huyện Thọ Xuân								
1	Trịnh Thị Tính	1930	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Tín	2702-2704	03/8/2017	Trần Danh Dung	Con	13.000.000
2	Lê Thị Huân	1925	Xã Tây Hồ	Xã Tây Hồ	3029	21/8/2023	Hoàng Văn Công	Con	18.000.000
3	Mai Thị Sinh	1944	Xã Xuân Giang	Xã Xuân Giang	1538	28/8/2023	Lê Thị Hoạt	Con	18.000.000
4	Bùi Văn Thọ	1940	Xã Xuân Giang	Xã Xuân Giang	2702-2704	16/9/2023	Nguyễn Thị Lai	Vợ	18.000.000
5	Lê Văn Dân	1930	Xã Xuân Yên	Xã Phú Xuân	1604-1605	18/8/2023	Lê Văn Tụ	Con	18.000.000
6	Trịnh Thị Tâm	1927	Xã Phú Yên	Xã Phú Yên	3029	23/8/2023	Trịnh Đình Khải	Con	18.000.000
7	Vũ Thị Nhung	1930	Xã Thọ Minh	Xã Thuận Minh	548	14/9/2023	Lê Đình Long	Con	18.000.000
8	Thái Thị Tiệp	1925	Xã Thọ Minh	Xã Thuận Minh	3042-3043	05/7/2023	Đào Thị Hà	Con	18.000.000
9	Nguyễn Thị Bơ	1927	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Tín	3042-3043	02/9/2023	Ngô Sỹ Khánh	Chồng	18.000.000
10	Lê Thị Vần	1932	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Tín	2019	06/9/2023	Đỗ Thị Ý	Con	18.000.000
11	Lê Thị Mậu	1930	Xã Thọ Lập	Xã Thọ Lập	548	31/8/2023	Trần Xuân Tính	Con	18.000.000
12	Nguyễn Thị Viên	1928	Xã Thọ Lâm	Xã Thọ Lâm	2184	06/7/2023	Lê Xuân Đường	Con	18.000.000
13	Lê Thị Mên	1927	Xã Xuân Thành	Xã Xuân Hồng	214	26/8/2023	Lê Chí Bằng	Con	18.000.000
14	Nguyễn Thị Nhạn	1922	Xã Xuân Bái	Xã Xuân Bái	25	25/8/2023	Lê Văn Hoan	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
XIII	Huyện Nông Công								
1	Nguyễn Thị Tân	1921	Xã Trường Minh	Xã Trường Minh	2019	04/01/2023	Nguyễn Văn Luận	Con	14.900.000
2	Lê Văn Niên	1943	Xã Tân Phúc	Xã Tân Phúc	2702-2704	22/9/2023	Lê Văn Chí	Con	18.000.000
3	Lê Thị Trà	1930	Xã Trung Thành	Xã Trung Thành	1493-1494	20/5/2023	Nguyễn Văn Châu	Con	14.900.000
4	Lê Thị Thanh	1952	Xã Tế Thắng	Xã Tế Thắng	185-186	20/10/2023	Lê Văn Sinh	Em	18.000.000
5	Lê Thị Gạch	1924	Xã Tế Nông	Xã Tế Nông	2019	14/8/2023	Nguyễn Văn Cường	Con	18.000.000
6	Lê Thị Dịu	1925	Xã Tế Nông	Xã Tế Nông	185-186	04/6/2023	Đỗ Văn Ngộ	Con	14.900.000
7	Lê Thị Dưỡng	1919	Xã Tế Nông	Xã Tế Nông	2527-2529	20/4/2023	Lê Thị Vận	Con	14.900.000
8	Lê Thị Tuất	1933	Xã Vạn Hòa	Xã Vạn Hòa	1665	11/9/2023	Lê Đình Thậu	Con	18.000.000
9	Đỗ Thị Ké	1930	Xã Tế Lợi	Xã Tế Lợi	25	22/9/2023	Đỗ Văn Tắc	Con	18.000.000
10	Lê Thị Vân	1931	Xã Thăng Long	Xã Thăng Long	2527-2529	14/10/2023	Đỗ Xuân Quải	Chồng	18.000.000
11	Đặng Thị Thường	1930	Xã Thăng Long	Xã Thăng Long	1493-1494	23/8/2023	Lê Trạch Khâm	Con	18.000.000
12	Nguyễn Đức Lợi	1922	Xã Thăng Long	Xã Thăng Long	1493-1494	29/12/2022	Phạm Thị Vang	Vợ	14.900.000
13	Lê Thị Vành	1930	Xã Trung Thành	Xã Thăng Long	1665	31/10/2022	Nguyễn Trọng Hà	Con	14.900.000
14	Lê Thế Bộ	1930	Xã Tượng Sơn	Xã Tượng Sơn	1635	05/10/2023	Hoàng Thị Đầu	Vợ	18.000.000
15	Lê Thị Duyên	1924	Xã Tượng Lĩnh	Xã Tượng Lĩnh	249	27/8/2023	Nguyễn Như Mạnh	Con	18.000.000
16	Lê Thị Thảo	1930	Xã Tượng Văn	Xã Tượng Văn	25	01/10/2023	Lê Văn Thịnh	Con	18.000.000
	Cộng: 16 ĐT								269.400.000
XIV	Huyện Như Thanh								
1	Bùi Văn Minh	1950	Xã Phụng Nghi	Xã Phụng Nghi	2527-2529	30/8/2023	Bùi Văn Lực	Cháu	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
2	Trần Thị Nha	1940	Xã Hoàng Trinh, huyện Hoàng Hóa	Xã Xuân Du	1604-1605	26/4/2023	Nguyễn Văn Hoàn	Con	14.900.000
3	Hà Văn Hanh	1955	Xã Cán Khê	Xã Cán Khê	1604-1605	26/8/2023	Vi Thị Nhâm	Vợ	18.000.000
4	Hà Thị Duyên	1966	Xã Xuân Thọ	Xã Cán Khê	1493-1494	08/02/2023	Nguyễn Công Tuấn	Con	14.900.000
5	Hà Văn Duy	1937	Xã Xuân Thọ	Xã Cán Khê	2280	09/7/2023	Hà Văn Thích	Con	18.000.000
6	Nguyễn Duy Năng	1949	Xã Đông Anh, huyện Đông Sơn	Xã Cán Khê	717-924	21/8/2023	Nguyễn Duy Thức	Con	18.000.000
7	Lang Văn Sỹ	1940	Xã Yên Lạc	Xã Yên Lạc	1493-1494	20/6/2023	Mai Thị Tuyết	Con	14.900.000
	Cộng: 07ĐT								116.700.000
XV	Huyện Quan Sơn								
1	Vi Thị Thương	1932	Xã Trung Thượng	Xã Trung Thượng	1635	20/7/2023	Hà Văn Thực	Con	18.000.000
2	Phạm Thị Nghiên	1934	Xã Mường Mìn	Xã Mường Mìn	1604-1605	01/7/2023	Phạm Bá Tiến	Con	18.000.000
3	Hà Thị Nhát	1933	Xã Trung Hạ	Xã Trung Hạ	2527-2529	04/07/2023	Lữ Văn Định	Con	18.000.000
	Cộng 03 ĐT								54.000.000
XVI	Huyện Lang Chánh								
1	Vi Văn Mẫn	1926	Xã Giao Thiện	Xã Giao Thiện	1052-1053	11/03/2023	Vi Văn Chương	Con	14.900.000
	Cộng								14.900.000
XVII	Huyện Hoàng Hóa								
1	Lê Thị Tứ	1931	Xã Hoàng Hải	Xã Hoàng Hải	2184	21/8/2023	Nguyễn Thị Tình	Con	18.000.000
2	Vũ Thị Tuất	1932	Xã Hoàng Hải	Xã Hoàng Hải	1604-1605	29/7/2023	Lê Văn Hoàng	Con	18.000.000
3	Trần Trọng Xế	1923	Xã Hoàng Tiến	Xã Hoàng Tiến	711-924	07/7/2023	Trần Trọng Phúc	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
4	Lương Thị Lập	1934	Xã Hoàng Xuân	Xã Hoàng Xuân	2019	31/8/2023	Lương Văn Khánh	Con	18.000.000
5	Lê Thị Vang	1931	Xã Hoàng Đại, huyện Hoàng Hóa (nay thành phố Thanh Hóa)	Xã Hoàng Trạch	2019	28/8/2023	Lê Viết Lợi	Con	18.000.000
6	Nguyễn Thị Nhi	1932	Xã Hoàng Hợp	Xã Hoàng Hợp	1604-1605	07/9/2023	Nguyễn Như Hùng	Con	18.000.000
7	Lê Thị Hải	1953	Xã Hoàng Lý, huyện Hoàng Hóa (nay thành phố Thanh Hóa)	TT Bút Sơn	2527-2529	08/7/2023	Hoàng Thị Ngoan	Con	18.000.000
8	Nguyễn Thị Mùi	1930	Xã Hoàng Châu	Xã Hoàng Châu	25	21/8/2023	Lê Thanh Huyền	Con	18.000.000
9	Lê Viết Khoa	1926	Xã Hoàng Trinh	Xã Hoàng Trinh	2019	24/8/2023	Lê Thị Át	Con	18.000.000
10	Vũ Thị Nghìn	1932	Xã Hoàng Kim	Xã Hoàng Kim	711-924	27/7/2023	Vũ Văn Đình	Con	18.000.000
11	Nguyễn Thị Mẫn	1922	Xã Hoàng Trạch	Xã Hoàng Trạch	469-470	14/9/2023	Lê Bá Soạn	Con	18.000.000
12	Nguyễn Thị Bồng	1925	Xã Hoàng Lộc	Xã Hoàng Lộc	214	27/7/2023	Nguyễn Mạnh Sơn	Con	18.000.000
13	Phạm Thị Bè	1932	Xã Hoàng Sơn	Xã Hoàng Sơn	1665	28/7/2023	Vũ Trọng Hiếu	Cháu	18.000.000
14	Nguyễn Xuân Kiều	1924	TT Bút Sơn	TT Bút Sơn	1774-1775	13/8/2023	Đinh Thị Hẹn	Vợ	18.000.000
15	Ninh Thị Thàng	1933	Xã Hoàng Xuyên	Xã Hoàng Xuyên	1493-1494	01/7/2023	Lê Đình Ánh	Con	18.000.000
16	Lê Thị Dữ	1938	Xã Hoàng Xuyên	Xã Hoàng Xuyên	711-924	22/4/2023	Phạm Văn Oai	Con	18.000.000
17	Nguyễn Hữu Việt	1926	Xã Hoàng Tân	Xã Hoàng Tân	1665	14/8/2023	Nguyễn Hữu Dương	Cháu	18.000.000
18	Lê Thị Quở	1935	Xã Hoàng Hợp	Xã Hoàng Hợp	2184	15/8/2023	Lê Thị Vinh	Con	18.000.000
19	Nguyễn Ngọc Lưu	1950	Xã Hoàng Giang	Xã Hoàng Giang	249	19/7/2023	Nguyễn Xuân Tổng	Anh	18.000.000
20	Nguyễn Thị Sảo	1935	Xã Hoàng Đức	Xã Hoàng Đức	3042-3043	10/6/2023	Lê Bá Tám	Con	14.900.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân của dân công hỏa tuyến	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
21	Trần Thị Dương	1934	Xã Hoàng Trinh	Xã Hoàng Trinh	2702-2704	20/7/2023	Hoàng Văn Thanh	Con	18.000.000
22	Lê Thị Huynh	1949	Xã Hoàng Quỳ	Xã Hoàng Quỳ	1149	04/7/2023	Nguyễn Văn Tục	Chồng	18.000.000
23	Lê Văn Lệnh	1933	Xã Hoàng Trường	Xã Hoàng Trường	2019	04/6/2023	Lê Văn Lập	Con	14.900.000
24	Nguyễn Văn Đàm	1924	Xã Hoàng Trạch	Xã Hoàng Trạch	2019	09/7/2023	Nguyễn Văn Xuyên	Con	18.000.000
25	Lê Thị Tương	1935	Xã Hoàng Phú	Xã Hoàng Phú	3042-3043	16/4/2023	Lê Thị Thom	Con	14.900.000
26	Nguyễn Văn Phái	1928	Xã Hoàng Phụng	Xã Hoàng Phụng	1538	26/03/2023	Nguyễn Văn Minh	Con	14.900.000
27	Lê Thị Phẫu	1924	Xã Hoàng Yên	Xã Hoàng Yên	3454	04/11/2018	Lê Thị Liên	Con	13.900.000
28	Nguyễn Thị Minh	1936	Xã Hoàng Trường	Xã Hoàng Trường	2702-2704	11/7/2023	Nguyễn Viết Pháo	Chồng	18.000.000
29	Nguyễn Khắc Hưởng	1930	Xã Hoàng Hà	Xã Hoàng Hà	548	20/8/2023	Nguyễn Khắc Tùng	Con	18.000.000
30	Lê Thị Loi	1933	Xã Hoàng Đạt	Xã Hoàng Đạt	1281	07/10/2023	Lê Ngọc Sáu	Con	18.000.000
31	Nguyễn Thị Nhũ	1940	Xã Hoàng Xuyên	Xã Hoàng Xuyên	3454	18/8/2023	Nguyễn Văn Ba	Con	18.000.000
32	Đào Ngọc Tước	1929	Xã Hoàng Xuyên	Xã Hoàng Xuyên	2019	15/8/2023	Lê Thị Long	Vợ	18.000.000
33	Nguyễn Thị Sửu	1937	Xã Hoàng Lộc	Xã Hoàng Lộc	1952	10/8/2023	Nguyễn Ngọc Tình	Con	18.000.000
34	Lương Thị Nê	1934	Xã Hoàng Xuân	Xã Hoàng Xuân	39-41	06/8/2023	Lê Thị Vinh	Con	18.000.000
35	Nguyễn Thị Thông	1938	Xã Hoàng Thắng	Xã Hoàng Thắng	2019	08/7/2023	Hoàng Thị Xinh	Con	18.000.000
36	Lê Thị Ánh	1931	Xã Hoàng Yên	Xã Hoàng Yên	469-470	01/8/2023	Lê Văn Bình	Cháu	18.000.000
37	Vũ Thị Tuệ	1939	Xã Hoàng Xuân	Xã Hoàng Xuân	2527-2529	09/9/2023	Lê Văn Thắng	Con	18.000.000
38	Bùi Thị Phình	1947	Xã Hoàng Lộc	Xã Hoàng Lộc	2019	26/8/2023	Bùi Khắc Hùng	Em	18.000.000
39	Trịnh Thị Xen	1932	Xã Hoàng Trinh	Xã Hoàng Trinh	2019	27/8/2023	Hoàng Ngọc Vĩnh	Con	18.000.000
40	Lê Thị Hạ	1936	Xã Hoàng Hải	Xã Hoàng Hải	711-924	28/9/2023	Nguyễn Thị Bình	Con	18.000.000

